TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2026/HN-ST
Ngày: 01-6-2026
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

Ông Phạm Thành Đồng

Bà Trần Thị Phước Duyên

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Lê Thị Thu Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 01/6/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2026/TLST - HN ngày 09 tháng 4 năm 2026 về việc: "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/4/2026 và quyết định hoãn phiên toà số: 86/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15/5/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lâm Thị Thúy L (X), sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T1, xã T, thành phố C (vắng có đơn).

Bị đơn: ông Đào Thanh M, sinh năm 1980; địa chỉ: số a, ấp P, xã C, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/02/2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy L trình bày:

Bà và ông Đào Thanh M kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 30/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại xã C, huyện G, tỉnh B. Đến khoảng đầu năm 2006, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp nên phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân đến nay. Hiện hai bên không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông M.

Con chung Đào Minh D sinh ngày 01/01/2005 và Đào Thị Mỹ Dn sinh ngày 21/5/2006 đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Đào Thanh M vắng mặt không lý do, không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Thúy L.

* *Tại phiên tòa:*

Bà Lâm Thị Thúy L vắng nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Ông Đào Thanh M vắng mặt không lý do.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: sau khi nhận đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và xem xét có đủ điều kiện thụ lý, Tòa án đã tiến hành thủ tục thủ lý vụ án theo đúng quy định so với Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Các tài liệu, chứng cứ được thu thập đầy đủ làm cơ sở giải quyết đúng đắn vụ án. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và không tham gia phiên tòa sơ thẩm là chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

- Về nội dung: căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Thúy L.

+ Về hôn nhân: bà L được ly hôn với ông M.

+ Về con chung: Đào Minh D sinh ngày 01/01/2005 và Đào Thị Mỹ Dn sinh ngày 21/5/2006 đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về án phí hôn nhân và gia đình: bà L phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công

khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: bà Lâm Thị Thúy L vắng nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông Đoàn Thanh M mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: bà Lâm Thị Thúy L và ông Đào Thanh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Uỷ ban nhân dân xã C, huyện G, tỉnh B, nay là Uỷ ban nhân dân xã C, tỉnh V vào ngày 30/10/2003 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình tố tụng, bà L cho rằng do bất đồng quan điểm, đời sống vợ chồng không hoà hợp nên bà và ông M nảy sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ năm 2006 đến nay. Hiện hai bên không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn, yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông M không tham gia các phiên hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: ”1. *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình….2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thoả thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác … và lý do chính đáng khác*”.

Xét thấy, việc bà L và ông M sống ly thân, không quan tâm đến nhau, không có thiện chí hòa giải thể hiện cả hai đã không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của bà L là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Đào Minh D sinh ngày 01/01/2005 và Đào Thị Mỹ Dn sinh ngày 21/5/2006 đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Loan phải nộp án phí hôn nhân là 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Thị Thúy L được ly hôn với ông Đào Thanh M.

2. Con chung: Đào Minh D sinh ngày 01/01/2005 và Đào Thị Mỹ Dn sinh ngày 21/5/2006 đã thành niên và có khả năng tự lao động nên không xem xét.

3. Tài sản chung, nợ chung: bà L khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Lâm Thị Thúy L phải nộp án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006115 ngày 06/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Do đó, án phí sơ thẩm bà L đã nộp xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh V
- VKSND khu vực 7 – V;
- Phòng THADS khu vực 7 - V;
- UBND xã C, tỉnh V
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, vào hồi ……giờ …. phút, ngày 11 tháng 6 năm 2026.

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán Toà án nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long

* Bên nhận: ……- ……Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Vĩnh Long.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 62/2026/HN-ST ngày 01/6/2026 của TAND khu vực 7 – Vĩnh Long (Lâm Thị Thuý Loan – Đào Thanh Minh).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi ……. giờ …….. phút cùng ngày.

Người giao Người nhận

Đặng Thị Ngọc Duyên ,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,